

Số: **926** /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày **25** tháng **10** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022- 2025;

Căn cứ Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây gọi là Kế hoạch).

Điều 2. Các đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu được giao tại Kế hoạch.

Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, kịp thời báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Trung tâm Thông tin (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (KSTT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Sinh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 926 /QĐ-BXD ngày 25 /10 /2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. KHÁI NIỆM, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Khái niệm

Thủ tục hành chính nội bộ (viết tắt là *TTHC nội bộ*) là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, yêu cầu, điều kiện để giải quyết công việc cụ thể của cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước (viết tắt là *CQHCNN*), đơn vị thuộc CQHCNN hoặc để đảm bảo việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong CQHCNN, được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật/văn bản hành chính (gọi chung là *văn bản*), do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

2. Phạm vi

a) TTHC nội bộ thuộc phạm vi rà soát, đơn giản hóa tại Kế hoạch này bao gồm:

- TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng (viết tắt là *BXD*) với CQHCNN (Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ/Bộ, cơ quan ngang bộ/UBND cấp tỉnh) hoặc giữa đơn vị thuộc BXD với đơn vị thuộc CQHCNN, được quy định tại:

+ Văn bản do BXD chủ trì, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền;

+ Trường hợp TTHC có các bộ phận cấu thành được quy định tại nhiều văn bản, do nhiều Bộ tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, mà TTHC đó thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BXD.

- TTHC nội bộ BXD (là TTHC giữa các đơn vị thuộc Bộ với nhau, được quy định tại văn bản do Bộ trưởng ban hành).

b) Thủ tục không thuộc phạm vi rà soát, đơn giản hóa tại Kế hoạch này bao gồm:

- TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

- TTHC có nội dung bí mật nhà nước.

- Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

- Thủ tục thanh tra.

- Chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Lưu ý: Các quyết định ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung) về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ (được

sửa đổi, bổ sung) về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC không được xác định là TTHC nội bộ.

3. Đối tượng

- Các cục, vụ, Thanh tra, Văn phòng (*gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ*).

II. YÊU CẦU

1. Nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ được xác định là một nhiệm vụ cải cách TTHC trọng tâm của Bộ. Kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong những căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC của các đơn vị thuộc Bộ giai đoạn 2022- 2025.

2. Các đơn vị thuộc Bộ chủ động tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, khoa học các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.

3. Chủ động phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác của Bộ, Văn phòng Bộ, thực hiện thống nhất theo Hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 và Kế hoạch này.

III. NGUYÊN TẮC PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

- Đơn vị nào chủ trì tham mưu ban hành văn bản có quy định TTHC nội bộ thì đơn vị đó chủ trì thống kê, công bố, rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa.

- Văn phòng Bộ hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê, rà soát, phương án đơn giản hóa của các đơn vị thuộc Bộ; công khai TTHC nội bộ giữa Bộ với CQHCNN.

IV. MỤC TIÊU

1. Về thống kê, công bố, công khai TTHC nội bộ

- 100% TTHC nội bộ được thống kê, công bố lần đầu; 100% TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN sau khi công bố được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01/4/2023.

2. Về rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ

a) Đối với TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN

100% TTHC được rà soát, đảm bảo đạt tỷ lệ cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. Trong đó:

- Trước ngày 01/01/2024: Rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa ít nhất 50% TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN.

- Trước ngày 01/01/2025: Rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa 100% TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN.

b) Đối với TTHC nội bộ BXD

100% TTHC nội bộ BXD được rà soát, đơn giản hóa, đảm bảo đạt tỷ lệ cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. Trong đó:

- Trước ngày 01/01/2024: Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa ít nhất 50% TTHC nội bộ BXD.

- Trước ngày 01/01/2025: Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa 100% TTHC nội bộ BXD.

V. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Thống kê, công bố, công khai TTHC nội bộ

a) Thống kê

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.
- Đơn vị đầu mối tổng hợp: Văn phòng.
- Thời hạn hoàn thành:
- + Đối với Danh mục thống kê văn bản quy phạm pháp luật (*VBQPPL*) và văn bản hành chính (*VBHC*) do đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền ban hành còn hiệu lực: Trước ngày 15/11/2022.

+ Đối với Danh mục thống kê TTHC nội bộ: Trước ngày 15/01/2023.

- Sản phẩm: Danh mục thống kê văn bản và thống kê TTHC nội bộ
(Thực hiện theo Mẫu số 01).

b) Công bố

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.
- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.
- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 28/02/2023.
- Sản phẩm: Quyết định công bố TTHC nội bộ.
(Thực hiện theo Mẫu số 02).
- c) Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về TTHC đối với TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN*

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.
- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.
- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01/4/2023.
- Sản phẩm: TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN (đã công bố) được công khai trên CSDLQG về TTHC.

(Thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống).

2. Rà soát, phê duyệt, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCNN

a) Rà soát, trình phê duyệt phương án đơn giản hóa

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.
- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.
- Thời hạn hoàn thành:
- + Rà soát, trình phê duyệt phương án lần 1: Trước ngày 01/01/2024.

+ Trình phê duyệt phương án lần 2: Trước ngày 01/01/2025.

(Thực hiện theo Mẫu số 03).

- Sản phẩm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa BXD với CQHCCN.

(Thực hiện theo Mẫu số 04a).

b) Thực thi phương án đơn giản hóa đã được phê duyệt

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị đề xuất phương án đơn giản hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.

- Thời hạn hoàn thành: Theo thời hạn xác định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa.

- Sản phẩm: Văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Bộ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ BXD

a) Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.

- Thời hạn hoàn thành: + Lần 1: Trước ngày 01/01/2024.

+ Lần 2: Trước ngày 01/01/2025.

- Sản phẩm: Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt phương án đơn giản hóa.

(Thực hiện theo Mẫu số 04b).

b) Thực thi phương án đơn giản hóa

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị thuộc Bộ.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Vụ Pháp chế.

- Thời hạn hoàn thành: + Lần 1: Trước ngày 01/7/2024.

+ Lần 2: Trước ngày 01/7/2025.

- Sản phẩm: Văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Bộ trưởng ban hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ

- Cử 01 lãnh đạo đơn vị trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

- Phân công công chức, viên chức có trách nhiệm, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về TTHC để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ.

- Yêu cầu, quán triệt công chức, viên chức *(được giao thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này)* tham gia nghiêm túc, đầy đủ các buổi hướng dẫn, tập huấn của Văn

phòng Chính phủ; chủ động phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Bộ để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Gửi kết quả tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch định kỳ vào ngày 25 hàng tháng về Văn phòng để tổng hợp hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ, Văn phòng Chính phủ.

- Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch này.

2. Văn phòng

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách định kỳ vào ngày 28 hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ để tổ chức tập huấn, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; trao đổi, báo cáo Cục Kiểm soát thủ tục hành chính những vướng mắc trong quá trình thực hiện để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

Căn cứ kết quả thực hiện Kế hoạch này để làm cơ sở đánh giá đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ động hướng dẫn các đơn vị lập dự toán; bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ đã được phê duyệt./.

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 926 /QĐ-BXD ngày 25 / 10 /2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Số hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu 01	Biểu mẫu Thống kê TTHC nội bộ
2	Mẫu 02	Mẫu Quyết định công bố TTHC nội bộ
3	Mẫu 03	Biểu mẫu rà soát TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCNN
4	Mẫu 04a	Mẫu Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCNN thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ
5	Mẫu 04b	Mẫu Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1.	Tên TTHC	Nhập tên TTHC quy định tại văn bản. Trường hợp chưa được quy định cụ thể, thống nhất tại các văn bản thì nhập tên ngắn gọn, thể hiện rõ nội hàm của TTHC.
2.	Đơn vị thống kê	Nhập tên đơn vị thuộc bộ, UBND tỉnh thực hiện thống kê TTHC.
3.	Lĩnh vực	Nhập lĩnh vực TTHC có sẵn/ hoặc nếu chưa có sẵn thì nhập tên theo tiêu chí do bộ, UBND tỉnh tự xác định phù hợp.
4.	Văn bản quy định	Nhập đầy đủ các văn bản quy định TTHC, bao gồm cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính.
5.	Trình tự thực hiện	☐ Có quy định: Nhập các bước thực hiện TTHC kèm thời gian cụ thể từng bước. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
6.	Cách thức thực hiện	Tích chọn nhiều phương án trong các phương án sau: ☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến ☐ Qua dịch vụ bưu chính ☐ Không quy định (trường hợp chọn phương án này thì chỉ chọn 1).
7.	Thành phần, số lượng hồ sơ	☐ Có quy định: Nhập từng thành phần hồ sơ và yêu cầu của hồ sơ (bản chính, bản sao, bản sao công chứng...), kèm theo số lượng của từng hồ sơ. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
8.	Thời hạn giải quyết	Nhập thời hạn tính từ thời điểm nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định tới khi nhận được kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại văn bản, ghi rõ đơn vị (ngày, ngày làm việc).
9.	Đối tượng thực hiện	Nêu tên cơ quan/ đơn vị/ nhóm đối tượng đề nghị và nhận kết quả giải quyết TTHC.
10.	Cơ quan quyết giải	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: ☐ Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người quyết định kết quả TTHC. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: ☐ Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người chủ trì tham mưu cho cơ quan quyết định kết quả TTHC. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. - Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: ☐ Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người phối hợp tham mưu cho cơ quan quyết định kết quả TTHC. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
11.	Kết quả thực hiện	☐ Có quy định: Nhập tên kết quả thực hiện của TTHC (Quyết định của, văn bản chấp thuận của...). ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
12.	Phí, lệ phí	☐ Có quy định phí/lệ phí: Nhập số tiền (Đơn vị tính: VNĐ). ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
13.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	☐ Có quy định: Nhập tên Mẫu đơn, tờ khai và đính kèm file mẫu đơn/tờ khai. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.
14.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	☐ Có quy định: Nhập đầy đủ nội dung từng yêu cầu, điều kiện. ☐ Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định.

Mẫu 02: Mẫu Quyết định công bố TTHC nội bộ

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng/Vụ trưởng/Chánh Thanh tra/Chánh Văn phòng.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, VP (KSTT),.....

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I. DANH MỤC TTHC

1. Danh mục TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCCN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục a		
2	Thủ tục b		
n			

2. Danh mục TTHC nội bộ Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục a		
2	Thủ tục b		
n			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC¹

A. TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCCN

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a...

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)*
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
- Phí, lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

¹ Các nội dung này khi công khai sẽ được cập nhật theo hướng dẫn trên hệ thống.

2. Tên thủ tục b....

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a...

B. TTHC nội bộ Bộ Xây dựng

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a...

- Trình tự thực hiện *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)*:
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
- Phí, lệ phí *(nếu có)*:
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính *(nếu có)*:
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

2. Tên thủ tục b...

Mẫu 03: Biểu mẫu rà soát TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCCN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TTHC	
1. Tên TTHC	- Các TTHC đã được công khai trên CSDLQG về TTHC sẽ được đồng bộ sang để thực hiện rà soát. - Các TTHC chưa công khai, Hệ thống sẽ cho phép nhập mới.
2. Tên đơn vị rà soát	
3. Lĩnh vực	
4. Văn bản quy định	
II. TÍNH CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. TTHC được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu gì?	☐ Giải quyết công việc cụ thể cho cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị thuộc cơ quan hành chính nhà nước; ☐ Bảo đảm việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước. ☐ Khác: (Nêu rõ) <i>(Có thể tích chọn nhiều phương án).</i>
2. Mục tiêu này có được đáp ứng khi thực hiện TTHC không?	☐ Có ☐ Không (Nêu rõ lý do) <i>(Tích chọn 01 phương án).</i>
3. Có biện pháp khác để thay thế thủ tục hành chính này mà vẫn đảm bảo mục tiêu đặt ra hay không?	☐ Có Nếu chọn có thì tích chọn một trong các phương án: ☐ Thay thế bằng chế độ báo cáo ☐ Chuyển sang hậu kiểm ☐ Khác: Nêu cụ thể ☐ Không <i>(Nếu chọn có thì bỏ qua mục III và điền mục IV để xuất phương án thay thế TTHC bằng biện pháp phù hợp).</i>
III. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Trình tự thực hiện TTHC có được quy định đầy đủ, rõ ràng, phù hợp không? Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Quy định chưa đầy đủ, ☐ Quy định chưa rõ ràng, ☐ Quy định chưa phù hợp, ☐ Quy định chưa cụ thể các bước, ☐ Quy định chưa cụ thể nội dung công việc, chưa quy định trách nhiệm thực hiện của từng bước.

2. Cách thức thực hiện có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất một phương án, gồm:</i> ☐ Quy định chưa đầy đủ, ☐ Quy định chưa rõ ràng, ☐ Quy định chưa phù hợp với đối tượng thực hiện, ☐ Quy định chưa phù hợp với cơ quan giải quyết.
3. Hồ sơ có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không và nếu có thì quy định có rõ ràng, hợp lý không?	☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Quy định số lượng chưa phù hợp, ☐ Chưa quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ, ☐ Nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ chưa phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC, ☐ Chưa loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, ☐ Chưa quy định về mẫu đơn, tờ khai, ☐ Quy định về mẫu đơn, tờ khai chưa rõ ràng, chưa hợp lý. ☐ Quy định chưa rõ ràng về số lượng.
4. Thời hạn giải quyết có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Chưa quy định rõ ràng, ☐ Chưa quy định cụ thể, ☐ Chưa quy định phù hợp.
5. Cơ quan thực hiện có được quy định hợp lý, rõ ràng và cụ thể không?	☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Chưa quy định hợp lý, ☐ Chưa quy định rõ ràng, ☐ Chưa quy định cụ thể.

6. Đối tượng thực hiện có thể thu hẹp hoặc cần mở rộng không?	☐ Có <i>Nếu Có, chọn cụ thể 01 trong 02 phương án, gồm:</i> ☐ Thu hẹp ☐ Mở rộng Nhập cụ thể phương án: ☐ Không
7. Yêu cầu, điều kiện có cần thiết không? Có được quy định đầy đủ, rõ ràng, hợp pháp, hợp lý không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Không cần thiết, ☐ Chưa quy định đầy đủ, ☐ Chưa quy định rõ ràng, ☐ Quy định chưa hợp pháp, ☐ Quy định chưa hợp lý.
8. Thời hạn có hiệu lực của kết quả thực hiện có hợp lý không?	☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn 01 phương án để xuất, gồm:</i> ☐ Không cần quy định thời hạn, ☐ Khác: (Nêu cụ thể, VD: 6 tháng; 1 năm; 5 năm ...).
9. Mẫu đơn, tờ khai có cần thiết, hợp pháp, hợp lý không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:</i> ☐ Không cần thiết, ☐ Quy định chưa hợp pháp, ☐ Quy định chưa hợp lý.
10. Mức và cách thức nộp phí/ lệ phí có hợp lý không?	☐ Không quy định ☐ Có ☐ Không <i>Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án để xuất, gồm:</i> ☐ Không cần quy định phí/lệ phí, ☐ Giảm mức phí/lệ phí, ☐ Nộp phí/lệ phí trực tuyến.
IV. PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA	

1. Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa (nếu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC) a) Lý do:..... b)..... Lý do:.....
2. Chi phí tuân thủ tiết kiệm được ²	- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm - Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm. - Chi phí tiết kiệm: đồng/năm. - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.
V. KIẾN NGHỊ THỰC THI	
1. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; nêu rõ điều, khoản, điểm quy định của văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.
2. Lộ trình thực hiện	Nêu rõ thời hạn hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

² Việc tính toán chi phí tuân thủ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Mẫu 04a: Mẫu Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với CQHCCN thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ³

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-TTg	Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực, thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

1. Xây dựng, ban hành văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTgCP; các PTTgCP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Ký tên, dấu)

³ Dùng cho các bộ đối với TTHC nội bộ giữa các CQHCCN.

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC.....
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-TTg ngày... tháng... năm...
của Thủ tướng Chính phủ)

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục.....

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a)

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ;
- Lộ trình thực hiện:

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:.....đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:.....đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục/Nhóm thủ tục.....

.....

**Mẫu 04b: Mẫu Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ
thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng**

BỘ XÂY DỰNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BXD

Hà Nội, ngàytháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
nội bộ trong Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

*Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định về
chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng/ Cục trưởng/Chánh Thanh tra/Chánh Văn phòng.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực....., thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao các Vụ, Cục/Sở, ngành, các đơn vị có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, trình Bộ trưởng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành.

Điều 3. Giao Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ/ Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các vụ, cục/sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Vụ trưởng, Cục trưởng/Giám đốc Sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (dề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, VP (KSTT),.....

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC.....
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-BXD ngày... tháng..... năm...
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Thủ tục/nhóm thủ tục

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a)

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

1.2. Kiến nghị thực thi

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ;
- Lộ trình thực hiện:

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:.....đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:.... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục/nhóm thủ tục....

.....